

Số: 109/2021/QĐST-DS

L, ngày 21 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 300/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Kiên Thị S, sinh năm 1976

- *Bị đơn*: Bà Kim Thị P, sinh năm 1959

Đồng nơi cư trú: ấp S, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Bà Kim Thị P tự nguyện trả cho bà Kiên Thị S số tiền hui còn thiếu của dây hui tháng 1.000.000 đồng, xác lập ngày 20/02/2019 dương lịch (Dây 1) là 11.220.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

Về thời gian trả: Bà Kiên Thị S và bà Kim Thị P tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ

động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 280.500 đồng (Hai trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng). Bà Kiên Thị S và bà Kim Thị P tự nguyện thỏa thuận mỗi bên nộp 50% tiền án phí. Do đó, bà P nộp 140.250 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng) nhưng do bà P là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí và đã được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, bà P được miễn toàn bộ án phí.

Bà Kiên Thị S nộp 140.250 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được căn trừ vào 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010726, ngày 14 tháng 10 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thu. Bà S được nhận lại số tiền chênh lệch là 259.750 đồng (Hai trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nhật Thành